

Số: 806 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, huyện Quan Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2018;

Căn cứ Công văn số 5630/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 01/02/2018;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 246/TTr-STNMT ngày 28/02/2018, kèm theo Báo cáo thẩm định số 40/BC-STNMT ngày 28/02/2018 về việc thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, huyện Quan Sơn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, huyện Quan Sơn với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
<b>Tổng diện tích</b>			<b>92.662,53</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	82.340,98
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.838,73
3	Đất chưa sử dụng	CSD	7.482,82

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	<b>148,28</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	7,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>7,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	37,36
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	16,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	28,60
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	58,44
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,44
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>70,55</b>

(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

3. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
<b>Tổng cộng</b>			<b>138,43</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	132,21
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,22

(Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
<b>Tổng cộng</b>			<b>37,35</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	37,35

(Có phụ biểu chi tiết số 04 kèm theo)

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2018: *Chi tiết theo phụ biểu số 05 đính kèm.*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định của UBND tỉnh; thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Quan Sơn để tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng tự nhiên theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo đúng thời gian quy định.

## 2. Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hoặc đất có rừng tự nhiên để báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; đồng thời cân đối, huy động các nguồn lực để thực hiện đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2018.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

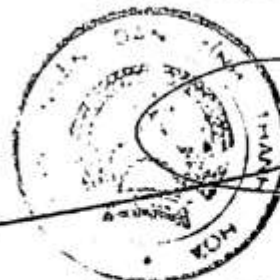
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.  
(MC40.3.18)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền





**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN QUAN SƠN**  
(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Thị trấn	Trung Xuân	Trung Thượng	Trung Tiến	Trung Hạ	Sơn Hà	Tam Thanh	Sơn Thủy	Na Mèo	Sơn Lư	Tam Lư	Sơn Điện	Mường Mìn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	148,28	2,18	22,39	0,63	4,38	1,03	16,98	13,45	26,21	11,23	13,78	18,4	16,49	1,13	
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	7,3	0,09	2,49	0,2	0,09		0,25	0,5	0,37		1,94	0,9	0,39	0,08	
	<i>Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	7,3	0,09	2,49	0,2	0,09		0,25	0,5	0,37		1,94	0,9	0,39	0,08	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	37,36	0,16	12,1		0,1	0,28	0,23	3,35	2,92	0,6	7,32	7,3	2,9	0,1	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	16,14	0,54	2	0,04	0,1	0,55	0,3	1,3	1,81	2	1,1	2	4,2	0,2	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	28,6						15,5	5,6	2	5,5					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN															
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	58,44	1,39	5,6	0,39	4,09	0,2	0,7	2,7	19	3,1	3,32	8,2	9	0,75	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,44		0,2						0,11	0,03	0,1				
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN															
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN															
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		70,55	0,05		0,15					70	0,15	0,1			0,1	
	<i>Trong đó:</i>																
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,25	0,05									0,1			0,1	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP															
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS															
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU															
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS															
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU															
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)															
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)															
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	70								70						
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,3			0,15						0,15					





**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018**  
**QUA HUYỆN QUAN SƠN**

(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-UBND, ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Hạng Mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2018 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh</b>		
1	Xây dựng điểm Chốt cho Tiểu đội dân quân thường trực xã Na Mèo, huyện Quan Sơn	0,50	Xã Na Mèo
<b>II</b>	<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</b>		
<b>2.1</b>	<b>Danh mục dự án đất ở nông thôn</b>	<b>7,08</b>	
1	Đất ở	0,42	Xã Sơn Thủy
2	Dự án dân dân xã Trung Hạ	0,30	Trung Hạ
3	Dự án dân dân xã Na Mèo	2,00	Na Mèo
4	Dự án dân dân xã Sơn Hà	0,60	Sơn Hà
5	Đất ở	0,55	Xã Sơn Hà
6	Đất ở nông thôn	0,76	Xã Sơn Lư
7	Khu giãn dân	0,60	Xã Tam Thanh
8	Khu giãn dân	0,80	Xã Tam Lư
9	Khu giãn dân	0,50	Xã Trung Thượng
10	Khu giãn dân	0,85	Xã Na Mèo
11	Khu giãn dân	0,50	Xã Trung Hạ
12	Khu giãn dân	0,59	Xã Sơn Điện
13	Khu giãn dân	0,54	Xã Trung Xuân
14	Khu giãn dân	0,58	Xã Mường Mìn
15	Đất ở	0,39	Xã Trung Tiên
<b>2.2</b>	<b>Dự án đất ở đô thị</b>	<b>0,75</b>	
1	Dự án dân dân thị trấn	0,60	Thị Trấn Quan Sơn
2	Đất ở	0,75	Thị Trấn Quan Sơn
<b>2.3</b>	<b>Đất giáo dục</b>	<b>3,28</b>	
1	Dự án mở rộng trường mầm non xã	0,50	Xã Sơn Hà
2	Dự án mở rộng trường tiểu học xã	0,50	Xã Sơn Lư
3	Xây dựng trường mầm non xã	0,20	Xã Sơn Lư
4	Mở rộng trường mầm non bản Hao-Hệ	0,08	Xã Sơn Lư
5	Xây dựng trường tiểu học Trung Tiên	0,49	Xã Trung Tiên
6	Mở rộng trường MN Thị Trấn	0,18	Thị Trấn Quan Sơn
7	Mở rộng trường Mầm Non Na Mèo	0,46	Xã Na Mèo
8	Mở rộng trường tiểu học Na Mèo	0,60	Xã Na Mèo
9	Mở rộng trường mầm non xã Trung Xuân	0,20	Xã Trung Xuân
10	Xây dựng trường Mầm non khu lẻ bản Cạn	0,15	Xã Trung Xuân



STT	Hạng Mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2018 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)		(3)	(4)
11	Xây dựng trường MN và tiểu học Sơn Thủy	1,10	Xã Sơn Thủy
12	Trường Mầm non khu Xóm	0,10	Xã Sơn Hà
<b>2.4</b>	<b>Đất thể thao</b>	<b>0,60</b>	
1	Xây dựng sân thể thao	0,20	Xã Trung Xuân
2	Mở rộng sân thể thao trung tâm xã	0,40	Xã Tam Lư
<b>2.5</b>	<b>Đất văn hóa</b>	<b>0,10</b>	
1	Tượng đài liệt sĩ	0,06	Xã Trung Hạ
2	Tượng đài liệt sĩ	0,10	Xã Sơn Hà
<b>2.6</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>4,25</b>	
1	Nâng cấp đường liên xã Tam Lư Tam Thanh	4,90	Xã Tam Lư
2	Nâng cấp đường liên xã Tam Lư Tam Thanh	4,90	Xã Tam Thanh
3	Đường giao thông Từ Bản Sơn xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy	4,40	Xã Sơn Thủy
4	Đường giao thông Quốc lộ 16 từ bản Muồng đi bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy	5,80	Xã Sơn Thủy
5	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sùa xã Sơn Điện	17,00	Xã Sơn Điện
6	Giao thông từ bản Xuân Thành sang bản Thủy Thành	0,10	Xã Sơn Thủy
7	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Pù Keo Lanh đến cầu treo xã Tam Thanh	2,50	Xã Tam Lư
8	Đường giao thông Từ Bản Hiêng đi bản Sa ná	0,93	Xã Na Mèo
9	Xây dựng cầu trần Bản Hẹ	0,72	Xã Sơn Lư
<b>2.7</b>	<b>Đất thủy lợi</b>	<b>0,03</b>	
1	Hồ chứa nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Quan Sơn	15,00	Sơn Hà
2	Mương tiêu Nà Ác	0,03	Xã Sơn Thủy
<b>2.8</b>	<b>Đất năng lượng</b>	<b>86,91</b>	
1	Đập thủy điện bản Khà	3,41	Xã Sơn Thủy
2	Thủy Điện Sơn Lư	11,70	Xã Tam Lư
3	Thủy điện xã Tam Thanh	27,50	Xã Tam Thanh
4	Thủy Điện xã Trung Xuân	30,50	Xã Trung Xuân
5	Thủy điện Sơn Lư	13,80	Xã Sơn Lư
<b>2.9</b>	<b>Đất chợ</b>	<b>0,20</b>	
1	Chợ nông thôn xã Sơn Hà	0,10	Xã Sơn Hà
2	Xây dựng Chợ	0,10	Xã Trung Xuân
1	Chợ nông thôn xã Trung Hạ	0,10	Xã Trung Hạ
2	Xây dựng chợ trung tâm xã Tam Lư	0,10	Xã Tam Lư
3	Xây dựng chợ Tam Thanh	0,30	Xã Tam Thanh
<b>2.10</b>	<b>Dự án, công trình Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,04</b>	
1	Mở rộng trụ sở UBND xã Mường Mìn	0,40	Xã Mường Mìn
2	Xây dựng trụ sở UBND xã	0,23	Xã Sơn Điện
3	Mở rộng trụ sở UBND xã	0,10	Xã Sơn Hà

STT	Hạng Mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2018 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)
4	Mở rộng trụ sở UBND xã Trung Thượng	0,04	Xã Trung Thượng
<b>2.11</b>	<b>Đất danh lam thắng cảnh</b>	<b>10,00</b>	
1	Mở rộng khu danh thắng Hang động Bọ Gung	10,00	Xã Sơn Thủy
<b>2.12</b>	<b>Đất sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,43</b>	
1	Xây dựng nhà văn hóa bản La	0,10	Xã Trung Xuân
2	Nhà sinh hoạt bản Bôn	0,07	Xã Trung Thượng
3	Nhà sinh hoạt bản Din	0,16	Xã Trung Hạ
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Nà Săng	0,10	Xã Sơn Hà
5	Nhà văn hóa bản Bôn	0,40	Xã Tam Thanh
6	Nhà văn hóa bản Muồng	0,08	Xã Sơn Thủy
7	Xây dựng nhà văn hóa bản Bàng	0,23	Xã Trung Thượng
8	Nhà văn hóa bản Khạn	0,05	Xã Trung Thượng
9	Xây dựng nhà văn hóa	0,10	Thị Trấn Quan Sơn
<b>2.13</b>	<b>Đất xử lý chất thải</b>	<b>0,20</b>	
1	Bãi rác thải xã Sơn Thủy	0,20	Xã Sơn Thủy
<b>III</b>	<i>Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất</i>		
1	Cửa hàng xăng dầu	0,10	Xã Na Mèo
2	Đất sản xuất kinh doanh bản Hiết, bản Muồng, bản Thủy Sơn, bản Chung Sơn	1,97	Xã Sơn Thủy
3	Mở rộng đất sản xuất kinh doanh	0,28	Thị Trấn Quan Sơn
4	Đất sản xuất kinh doanh	3,18	Xã Na Mèo
5	Đất sản xuất kinh doanh	1,40	Xã Sơn Điện
6	Mở rộng đất sản xuất kinh doanh	1,00	Xã Tam Lư
7	Dự án trồng cây dược liệu	70,00	Xã Sơn Thủy
8	Khu vui chơi giải trí và bể bơi Thị Trấn	0,80	Thị Trấn Quan Sơn
9	Cửa hàng xăng dầu	0,27	Thị Trấn Quan Sơn
10	Cửa hàng xăng dầu Mường Mìn	0,15	Xã Mường Mìn
11	Xây dựng trung tâm thương mại cửa khẩu QT Na Mèo	5,00	Xã Na Mèo
12	Mở rộng khu sản xuất kinh doanh	0,50	Xã Trung Thượng
13	Mở rộng khu sản xuất kinh doanh	0,50	Xã Sơn Lư
14	Khai thác đá làm vật liệu xây dựng	3,50	Xã Trung Tiến